

Số: 45 /TB - UBND

Tuyên Hoá, ngày 19 tháng 8 năm 2019

**THÔNG BÁO**

**Triệu tập thí sinh tham dự vòng 2 xét tuyển viên chức sự nghiệp Giáo  
dục & Đào tạo bậc Mầm non huyện Tuyên Hoá năm 2019**

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Kế hoạch số 374/KH-UBND ngày 25/6/2019 của UBND huyện về việc xét tuyển viên chức Giáo dục và Đào tạo huyện Tuyên Hoá năm 2019;

Căn cứ Danh sách thí sinh đủ điều kiện tham dự vòng 2 xét tuyển viên chức sự nghiệp GD & ĐT bậc Mầm non huyện Tuyên Hóa năm 2019,

Ủy ban nhân dân huyện Tuyên Hóa thông báo triệu tập 278 thí sinh đủ điều kiện tham dự vòng 2 xét tuyển viên chức sự nghiệp GD & ĐT bậc Mầm non huyện Tuyên Hóa năm 2019 (*danh sách được đăng tải trên trang thông tin điện tử huyện Tuyên Hóa*) với các nội dung sau:

**1. Khai mạc kỳ xét tuyển:**

- Thời gian: 07 giờ 00 phút, ngày 26 tháng 8 năm 2019 (Thứ hai)

- Địa điểm: Tại Trường Tiểu học số 1 Đồng Lê

(Địa chỉ: Tiểu khu 1, Thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình).

*Lưu ý: Thí sinh dự tuyển có mặt trước giờ khai mạc ít nhất 30 phút để kiểm tra các thông tin về cá nhân.*

**2. Phỏng vấn xét tuyển:**

- Thời gian: Từ 07 giờ 30 phút ngày 26 tháng 8 năm 2019 (Thứ hai)

- Địa điểm: Tại Trường Tiểu học số 1 Đồng Lê

(Địa chỉ: Tiểu khu 1, Thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình).

Thí sinh tham gia dự tuyển xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc một trong các loại giấy tờ tùy thân hợp pháp khác để giám thị đối chiếu trước khi vào phòng phỏng vấn.

Đề nghị thí sinh dự tuyển thường xuyên truy cập vào trang thông tin điện tử của UBND huyện Tuyên Hóa theo địa chỉ <https://tuyenhoa.quangbinh.gov.vn> để biết nội quy, các thông tin, số báo danh, số phòng thi và các nội dung liên quan đến kỳ xét tuyển.

Mọi thắc mắc vui lòng liên hệ UBND huyện (qua Hội đồng xét tuyển) để được hướng dẫn, giải quyết theo số máy: 02323685 218 hoặc 02323684 130 hoặc 02323683 193.

Trên đây là thông báo của UBND huyện, đề nghị các thí sinh đến tham dự lễ khai mạc và phỏng vấn đúng thời gian quy định./.

**Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ;
- TV Huyện ủy (B/c);
- TT HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Hội đồng XTMN;
- Ban KTSH; Ban Giám sát
- Phòng Nội vụ (niêm yết tại trụ sở làm việc);
- VP HĐND&UBND huyện (đăng trang thông tin điện tử UBND huyện);
- Thí sinh dự tuyển;
- Lưu: HĐXTMN.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VÒNG 2  
KẾT TUYỂN VIỆN CHỨC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẬC MẪM NON NĂM 2019

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
1	Cao Thị Vân	3/10/1994	Nữ	Xã Mai Hóa - Tuyên Hòa	DHGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
2	Đinh Thị Lan	25/6/1989	Nữ	TT Quý Đạt - Minh Hóa	Cư nhân GDMN	Kỹ thuật viên	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
3	Nguyễn Thị	28/8/1989	Nữ	Xã Sơn Hóa - Tuyên Hòa	Trung cấp SPMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
4	Nguyễn Thị Lan	10/11/1993	Nữ	Xã Tân Hóa, Minh Hóa	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
5	Trần Thị Lan	12/11/1998	Nữ	Xã Nam Hóa, Tuyên Hòa	CD GD Mầm non	UDCNTT	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
6	Đậu Thị Ngọc	21/8/1995	Nữ	Xã Cao Quảng, Tuyên Hòa	CN GD mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
7	Đinh Thị Ngọc	12.01.1992	Nữ	Xã Yên Hòa - Minh Hóa	CDGD Mầm non	UDCNTTCB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
8	Đinh Thị Ngọc	20.06.1996	Nữ	Xã Lê Hòa - Tuyên Hòa	Cư nhân GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
9	Nguyễn Thị Ngọc	22.12.1994	Nữ	Xã Hương Hòa - Tuyên Hòa	DH GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
10	Hoàng Thị	20.2.1993	Nữ	Xã Đức Hòa - Tuyên Hòa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
11	Lương Thị	25.7.1996	Nữ	Xã Hương Hòa - Tuyên Hòa	DHGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tip học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
12	Nguyễn Thị Kim	01.04.1996	Nữ	Xã Đức Hòa - Tuyên Hóa	Cử nhân GD MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Con BB	
13	Phạm Thị Bình	25/10/1995	Nữ	Xã Kim Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
14	Đinh Thị Kim Búp	10/12/1990	Nữ	Xã Hòa Tiến, Minh Hóa	CN GD Mầm non	B	E	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Con BB	
15	Đinh Thị Kim Chi	07.07.1992	Nữ	Xã Hòa Hợp - Minh Hóa	Cử nhân GD MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
16	Nguyễn Thị Kim Chi	10/9/1992	Nữ	Xã Kim Hóa, Tuyên Hóa	CĐ DG Mầm non	CN TTCB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
17	Trương Thị Thùy Chung	27.04.1996	Nữ	TT Đông Lê - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	B	A2	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
18	Đinh Thị Kim Chuyên	18.07.1995	Nữ	Xã Hòa Thanh - Minh Hóa	TCSP Mầm non	B	C	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
19	Nguyễn Hồng Chuyên	01.5.1995	Nữ	Xã Đông Hòa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	CNTT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
20	Cao Thị Dung	18.05.1994	Nữ	Xã Hồng Hòa - Minh Hóa	Cử nhân GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
21	Cao Thị Kim Dung	14.09.1989	Nữ	TT Đông Lê - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
22	Nguyễn Thị Dung	10/3/1994	Nữ	Xã Thanh Hòa, Tuyên Hóa	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
23	Võ Thị Dung	16.11.1994	Nữ	Xã Quảng Trung - Thị xã Ba Đồn	Đại học GD MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
24	Đinh Thị Lan Duyên	03.08.199	Nữ	TT Quy Đạt - Minh Hóa	CĐGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
25	Lê Thị Cẩm Duyên	10.01.1990	Nữ	TTĐông Lê - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
26	Mai Thị Khánh Duyên	17.10.1994	Nữ	Xã Thanh Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	

18

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
27	Nguyễn Thị Dương	19.04.1991	Nữ	Xã Mai Hóa - Tuyên Hóa	Cử nhân GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
28	Hoàng Đạt	24.07.1997	Nữ	Xã Châu Hóa - Tuyên Hóa	Cử nhân GD MN	CN TT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
29	Trần Thị Xuân Diệp	28.03.1996	Nữ	Xã Kim Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
30	Đình Thị Hương	20.08.1996	Nữ	Xã Hồng Hóa - Minh Hóa	Cử nhân GD MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Con TB	
31	Đình Thị Hương	2/5/1998	Nữ	TT Quy Đạt, Minh Hóa	CD GD Mầm non	UDCNTT	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
32	Đình Thị Linh	23.9.1993	Nữ	TT Quy Đạt - Minh Hóa	TCSP Mầm non	CN TT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.03	Không	
33	Hoàng Thị An	10.09.1997	Nữ	Xã Kim Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	UDCNTTCB	C	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
34	Nguyễn Thị Cẩm	28.05.1997	Nữ	Xã Thạch Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	CN TT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
35	Nguyễn Thị Lê	20/7/1997	Nữ	Phường Ba Đồn, TX Ba Đồn	CN GD Mầm non	UDCNTTCB	B1	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
36	Trần Thị Giang	01.01.1996	Nữ	Xã Kim Hóa - Tuyên Hóa	Trung cấp GDMN	UD CNTT	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
37	Cao Thị Hà	15.11.1994	Nữ	Xã Tân Hóa - Minh Hóa	DHSP Mầm non	CN TT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
38	Đặng Thị Thu Hà	13/1/1997	Nữ	Xã Châu Hóa, Tuyên Hóa	CN GD mầm non	UDCNTT	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
39	Đình Thị Hà	22.06.1997	Nữ	Xã Hồng Hóa - Minh Hóa	CBGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
40	Đình Thu Hà	18.10.1994	Nữ	Xã Yên Hóa, Minh Hóa	DHSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
41	Hoàng Thị Hà	28/2/1996	Nữ	Xã Vĩnh Ninh, Quảng Ninh	CD GD Mầm non	UDCNTT	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	

18

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đội tượng ưu tiên	Ghi chú
42	Lê Thị Thu	6/6/1994	Nữ	Xã Sơn Hòa, Tuyên Hòa	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
43	Lê Thị Thu	10.06.1996	Nữ	Xã Thạch Hóa - Tuyên Hòa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
44	Thái Thị	10/2/1990	Nữ	Xã Trung Hòa, Minh Hòa	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
45	Trần Huyền Nguyệt	29.03.1995	Nữ	TP Đông Hới, Quảng Bình	CBGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
46	Trần Thị	19.11.1983	Nữ	Xã Trung Hòa - Minh Hòa	Cư nhân GD MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
47	Cao Thị Mỹ	20.12.1997	Nữ	TTQuy Đạt - Minh Hòa	CBGD Mầm non	UDCNTTCB	B1	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
48	Cao Thị Mỹ	17.10.1996	Nữ	Hương Khê - Hà Tĩnh	Cư nhân GDMN	UDCNTTCB	Bậc 3	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
49	Nguyễn Thị	1/2/1988	Nữ	Xã Phong Hóa, Tuyên Hòa	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
50	Nguyễn Thị Minh	13.09.1997	Nữ	Xã Châu Hóa - Tuyên Hòa	Cư nhân GD MN	CNTT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
51	Trần Thị Mỹ	20.10.1994	Nữ	Xã Tiến Hóa - Tuyên Hòa	DHSP Mầm non	A	TA A1	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
52	Dương Thị	1/2/1992	Nữ	Xã Hương Hóa, Tuyên Hòa	CB GD Mầm non	UDCNTT	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
53	Dương Thị Thu	04.4.1995	Nữ	Xã Tiến Hóa - Tuyên Hòa	DHSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
54	Đỗ Thị Thủy	29.07.1998	Nữ	TTQuy Đạt - Minh Hòa	CBGD Mầm non	UDCNTTCB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
55	Lê Diệu	26/4/1994	Nữ	Xã Nam Hòa, Tuyên Hòa	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
56	Nguyễn Thị Diệu	20.4.1995	Nữ	Xã Ngư Hóa - Tuyên Hòa	DHSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
57	Nguyễn Thị Thủy	Hàng 3/3/1984	Nữ	TT Đông Lê, Tuyên Hóa	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hàng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
58	Phan Thị	Hàng 12/2/1990	Nữ	Xã Thanh Hóa, Tuyên Hóa	TC GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hàng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
59	Phan Thị Thủy	Hàng 24.12.1995	Nữ	Xã Châu Hóa - Tuyên Hóa	DH GDMN	B	B	Giáo viên MN hàng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
60	Cao Thị	Hiện 16.07.1995	Nữ	Xã Sơn Hóa - Tuyên Hóa	Cư nhân GDMN	B	B	Giáo viên MN hàng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
61	Cao Thị Thu	Hiện 18/5/1998	Nữ	Xã Trung Hóa, Minh Hóa	CB GD Mầm non	UDCNTT	B	Giáo viên MN hàng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
62	Đình Thị Thu	Hiện 9/10/1993	Nữ	Xã Xuân Hóa, Minh Hóa	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hàng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
63	Đoàn Thị	Hiện 15/10/1991	Nữ	TT Đông Lê, Tuyên Hóa	CN GD Mầm non	UDCNTT	B	Giáo viên MN hàng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
64	Hà Thị	Hiện 29/11/1992	Nữ	Xã Mai Hóa, Tuyên Hóa	TC GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hàng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
65	Hà Thị	Hiện 10.02.1987	Nữ	Xã Mai Hóa - Tuyên Hóa	CBGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hàng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
66	Hoàng Thị	Hiện 24/4/1993	Nữ	Xã Quảng Tiến, Quảng Trạch	DH GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hàng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
67	Nguyễn Thị	Hiện 10/4/1996	Nữ	Xã Đức Hóa, Tuyên Hóa	CN GD mầm non	B	B	Giáo viên MN hàng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
68	Nguyễn Thị Thu	Hiện 17.11.1993	Nữ	Xã Phong Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hàng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
69	Trần Thị	Hiện 10.05.1995	Nữ	Xã Đông Hóa - Tuyên Hóa	Đại học GD MN	B	B	Giáo viên MN hàng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
70	Trương Thị Thu	Hiện 3/9/1995	Nữ	Xã Minh Hóa, Minh Hóa	CD DG Mầm non	B	B	Giáo viên MN hàng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
71	Nguyễn Thị	Hiện 18/4/1993	Nữ	Xã Triền Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Mầm non	A	B	Giáo viên MN hàng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	

TR

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
72	Đình Thị	08.01.1986	Nữ	Xã Trung Hóa - Minh Hóa	Cử nhân GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Co. BB	
73	Nguyễn Thị Thanh	19.3.1994	Nữ	Xã Văn Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
74	Đình Thị	08.09.1995	Nữ	Xã Hồng Hóa - Minh Hóa	DH GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
75	Cao Thị	10.6.1993	Nữ	Xã Đức Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
76	Cao Thị	28.11.1988	Nữ	Xã Trung Hóa - Minh Hóa	DH GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
77	Đình Thị Kim	26.11.1995	Nữ	TT Quý Đạt - Minh Hóa	CBSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
78	Hà Thị Thu	10/11/1996	Nữ	Xã Mai Hóa, Tuyên Hóa	TC SP Mầm non	B	A2	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
79	Nguyễn Thị	16/6/1997	Nữ	Xã Tiến Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
80	Nguyễn Thị Thu	11/2/1991	Nữ	Xã Thuận Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
81	Phạm Thị Thanh	16/2/1983	Nữ	Xã Lâm Hóa, Tuyên Hóa	TC GD Mầm non	A	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
82	Đình Thị Kim	02.03.1994	Nữ	Xã Đức Hóa - Tuyên Hóa	DH GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
83	Hà Thị	10.04.1987	Nữ	Xã Sơn Hóa - Tuyên Hóa	TC SP Mầm non	A	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Con TB	
84	Mai Thị	06.10.1991	Nữ	Xã Đông Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
85	Nguyễn Thị	07.6.1993	Nữ	Xã Văn Hóa - Tuyên Hóa	DHSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
86	Trần Thị	12.05.1995	Nữ	Xã Đông Hóa - Tuyên Hóa	Đại học GD MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	

18

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Arh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đặc: tượng, ưu tiên	Ghi chú
87	Hà Thị Huệ	05.4.1994	Nữ	Xã Mai Hòa - Tuyên Hòa	DHGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
88	Đình Thị Huệ	27/9/1995	Nữ	Xã Lê Hòa, Tuyên Hòa	TC SP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Kiểm	
89	Nguyễn Thị Thu Huệ	10/1/1996	Nữ	Xã Đức Hòa, Tuyên Hòa	DH GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
90	Cao Thị Hồng Huyền	1/4/1993	Nữ	Xã Hòa Sơn, Minh Hóa	CN GD Mầm non	UDCNTT	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Độc sách	
91	Nguyễn Thị Thanh Huyền	12.02.1997	Nữ	TT Đông Lê - Tuyên Hòa	CBGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
92	Phùng Thị Thanh Huyền	28/8/1994	Nữ	Xã Thuận Hòa, Tuyên Hòa	DH SP MM	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
93	Trương Thị Mỹ Huyền	26.02.1993	Nữ	Xã Kim Hòa - Tuyên Hòa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
94	Cao Thị Hương	10.11.1989	Nữ	Xã Trung Hòa - Minh Hóa	Cư nhân GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
95	Đình Thị Lan Hương	19.02.1987	Nữ	Xã Hòa Hợp - Minh Hóa	DH GDMN	UDCNTT	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
96	Đình Thị Thanh Hương	15.06.1994	Nữ	Xã Xuân Hòa - Minh Hóa	Cư nhân GD MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Con TB	
97	Nguyễn Thị Mai Hương	13.12.1997	Nữ	Xã Tiến Hòa - Tuyên Hòa	Cư nhân GD MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
98	Nguyễn Thị Thanh Hương	03.7.1994	Nữ	Xã Tiến Hòa - Tuyên Hòa	DHSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
99	Phạm Thị Hương	16/6/1995	Nữ	Xã Sơn Hòa, Tuyên Hòa	CD SP Mầm non	B	A2	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
100	Phạm Thị Kim Hương	20.9.1994	Nữ	Xã Lâm Hòa - Tuyên Hòa	DHGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Dân tộc TS	

18

ST	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Chi chú
101	Trần Thị Hương	10.10.1988	Nữ	Xã Sơn Hòa - Tuyên Hòa	Cử nhân GD MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
102	Trần Thị Lan Hương	19.8.1994	Nữ	TT Quy Đạt - Minh Hóa	DHGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Dàn tộc TS	
103	Trần Thị Lan Hương	06.10.1995	Nữ	Xã Nam Hòa - Tuyên Hòa	Cử nhân GD MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
104	Phạm Thị Ánh Hương	15.03.1993	Nữ	Xã Thạch Hóa - Tuyên Hòa	BH GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
105	Cao Thị Lan	4/10/1997	Nữ	Xã Trung Hóa, Minh Hóa	CN GD Mầm non	JDC:NTT	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
106	Cao Thị Mỹ Lan	02.10.1990	Nữ	Xã Yên Hòa - Minh Hóa	DHGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
107	Đặng Thị Hương Lan	20/1/1996	Nữ	Xã Châu Hóa, Tuyên Hòa	CN GD mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
108	Võ Thị Mai Lan	28.4.1995	Nữ	Xã Mai Hóa - Tuyên Hòa	DHGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
109	Ngô Thị Ngọc Lành	09.8.1993	Nữ	Xã Thanh Hóa - Tuyên Hòa	BH GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
110	Nguyễn Thị Lành	03.09.1989	Nữ	Xã Mai Hóa - Tuyên Hòa	Cử nhân GD MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
111	Cao Thị Thu Lệ	21.05.1997	Nữ	TT Quy Đạt - Minh Hóa	Cử nhân GD MN	CN TT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
112	Đinh Thị Hồng Lệ	18/1/1996	Nữ	Xã Xuân Hòa, Minh Hóa	CED SP Mầm non	B	A2	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
113	Lê Thị Thanh Lịch	10.9.1996	Nữ	Xã Thạch Hóa - Tuyên Hòa	TCSP Mầm non	CN TT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
114	Đinh Thị Mỹ Liên	14/4/1996	Nữ	Xã Hồng Hóa, Minh Hóa	CBD GD Mầm non	UDC:NTT	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	

18

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh, văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tượng ưu tiên	Ghi chú
115	Trần Thị Bích	27.02.1994	Nữ	Xã Văn Hóa - Tuyên Hóa	DHSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Kt.ông	
116	Thái Thị Hoa	30.12.1994	Nữ	Xã Trung Hóa - Minh Hóa	Cư nhân GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
117	Trương Thị Liễu	20/9/1997	Nữ	Xã Minh Hóa, Minh Hóa	Trung cấp SP MN	UDCNTT	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
118	Cao Thị Thanh	25/1/1987	Nữ	Xã Xuân Hóa, Minh Hóa	CN GD Mầm non	UDCNTT	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
119	Bùi Thị Thủy	05.05.1996	Nữ	Xã Ngân Thủy - Lệ Thủy	Cư nhân GD MN	CNNT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
120	Cao Thị Mỹ	19.11.1997	Nữ	TTQuy Đạt - Minh Hóa	Cư nhân GD MN	CNNT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	ĐT Thiếu số	
121	Cao Thị Thủy	01,4,1996	Nữ	Xã Thạch Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Con BB	
122	Nguyễn Diệu	7/7/1994	Nữ	Xã Hương Trạch, Hương Khê, Hà Tĩnh	TC GD mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
123	Nguyễn Thị Linh	14/8/1995	Nữ	Xã Liên Thủy, Lệ Thủy	TC SP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
124	Nguyễn Thị Diệu	26.05.1995	Nữ	Xã Hương Hóa - Tuyên Hóa	Trung cấp SP MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
125	Phạm Thị Thủy	15.12.1993	Nữ	Xã Đồng Hóa - Tuyên Hóa	DHSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
126	Phan Thị Chí	10.11.1992	Nữ	Xã Hóa Tiến - Minh Hóa	DHGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
127	Đoàn Thị Hồng	02.6.1994	Nữ	Xã Châu Hóa - Tuyên Hóa	CBSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Dân tộc TS	
128	Nguyễn Thị Hương	14.03.1995	Nữ	TT Đồng Lê - Tuyên Hóa	Trung cấp GDMN	C	C	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	

18

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đôi tương ưu tiên	Ghi chú
129	Nguyễn Thị Kiều	Loan	Nữ	Xã Mai Hóa - Tuyên Hóa	Cử nhân, GD MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
130	Phạm Thị Bé	Loan	Nữ	Xã Đông Hóa - Tuyên Hóa	DHGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.02	Không	
131	Trần Thị	Loan	Nữ	Xã Đông Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
132	Trần Thị Kiều	Loan	Nữ	Xã Đông Hóa - Tuyên Hóa	DH GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Con TB	
133	Nguyễn Thị	Lương	Nữ	Xã Thanh Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
134	Đinh Thị Hồng	Lý	Nữ	Xã Quy Hóa - Minh Hóa	Cử nhân GD MN	CN TT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
135	Đinh Thị Thảo	Lý	Nữ	Xã Châu Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
136	Mai Thị Khánh	Lý	Nữ	Xã Liên Thủy, Lệ Thủy	CN GD Mầm non	UDCNTT	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
137	Nguyễn Thị Cẩm	Lý	Nữ	Xã Hương Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	UDCNTT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
138	Phạm Thị Thùy	Lý	Nữ	Xã Đông Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
139	Hà Thị	Lý	Nữ	Xã Đức Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
140	Trương Thị Thiên	Lý	Nữ	Xã Châu Hóa - Tuyên Hóa	DH GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
141	Võ Thị	Mai	Nữ	Xã Mai Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
142	Đinh Thị Khơ	Mây	Nữ	Xã Hóa Phúc, Minh Hóa	DH GD Mầm non	UDCNTT	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
143	Lê Tiểu	Mỹ	Nữ	TT Đông Lê - Tuyên Hóa	Cử nhân GD MN	A	C	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	

Th

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đôi tương ưu tiên	Ghi chú
144	Võ Thị Mỹ	10/7/1994	Nữ	Xã Ngự Thủy Bắc, Lệ Thủy	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
145	Nguyễn Thị Thủy	12.2.1992	Nữ	Xã Cao Quảng - Tuyên Hóa	DHGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Con BB	
146	Nguyễn Thị Thành	2/10/1993	Nữ	TT Đông Lê, Tuyên Hóa	DH GD Mầm non	UDCNTT	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
147	Đinh Thị Den	10.10.1994	Nữ	Xã Thanh Hóa - Tuyên Hóa	TCGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
148	Ngô Thị Thu	23.03.1994	Nữ	TT Đông Lê - Tuyên Hóa	CDSP Mầm non	A	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
149	Nguyễn Thị	28/8/1992	Nữ	Xã Mai Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
150	Nguyễn Thị	10.03.1993	Nữ	Xã Cao Quảng - Tuyên Hóa	DH GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
151	Trần Thị	30.10.1997	Nữ	Xã Quang Liên - Q Trạch	Cư nhân GD MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
152	Trần Thị Tố	24/7/1995	Nữ	Xã Thạch Hóa, Tuyên Hóa	CN GD mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
153	Trần Thị Tố	21.03.1995	Nữ	TT Đông Lê - Tuyên Hóa	Cư nhân GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
154	Nguyễn Thị Thu	04.02.1994	Nữ	Xã Sơn Hóa - Tuyên Hóa	CDGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
155	Đinh Thị Thu	6/5/1994	Nữ	Xã Đông Hóa, Tuyên Hóa	TC GD mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
156	Hà Thị Ngân	4/1/1996	Nữ	Xã Thuận Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Mầm non	UDCNTT	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
157	Tô Thị Ai Ngân	26.7.1993	Nữ	Xã Thanh Thạch - Tuyên Hóa	DHGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Con người nhiệm CBHH	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đội tuyển g ưu tiên	Ghi chú
158	Trần Thị Thủy	Ngân	Nữ	Xã Sơn Hóa, Tuyên Hóa	TC GD mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
159	Cao Thị Lan	Ngọc	Nữ	Xã Lâm Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
160	Đình Thị Ánh	Ngọc	Nữ	Xã Kỳ Hợp, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
161	Đình Thị Bích	Ngọc	Nữ	Xã Trung Hóa - Minh Hóa	CBGD Mầm non	CNTT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
162	Đoàn Thị Như	Ngọc	Nữ	Xã Quảng Tiên, TX Ba Đồn	TC GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
163	Nguyễn Thị Hồng	Nguyễn	Nữ	Xã Thạch Hóa, Tuyên Hóa	TC GD mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
164	Đặng Thị Hồng	Nguyễn	Nữ	Xã Yên Hóa - Minh Hóa	CB GDMN	B	A2	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
165	Đình Thị Ánh	Nguyễn	Nữ	Xã Quy Đạt, Minh Hóa	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
166	Nguyễn Thị	Nguyễn	Nữ	Xã Quảng Xuân, Quảng Trạch	CB GD Mầm non	UDCNTT	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
167	Nguyễn Thị Minh	Nguyễn	Nữ	Xã Phong Hóa - Tuyên Hóa	DH GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
168	Phạm Thị Ánh	Nguyễn	Nữ	TT Quy Đạt, Minh Hóa	CB GD Mầm non	UDCNTT	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
169	Đình Thị Thu	Nhài	Nữ	Xã Châu Hóa, Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
170	Nguyễn Thị Hoài	Nhị	Nữ	Xã Cam Thủy - Lệ Thủy	Cử nhân GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
171	Trần Thị Nam	Nhị	Nữ	Xã Phong Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Mầm non	UDCNTT	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
172	Đình Thị Tuyết	Nhung	Nữ	Xã Yên Hóa, Minh Hóa	TC SP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	

TR

TT	Họ và tên	Ngày tháng hà sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
173	Nguyễn Thị Nhung	25.5.1992	Nữ	Xã Thanh Hóa - Tuyên Hóa	DHGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hàng IV; mã số V.07.02.05	MN.01	Không	
174	Phạm Thị Tuyết Nhung	07.7.1994	Nữ	Xã Thanh Hóa - Tuyên Hóa	TCGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hàng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
175	Phan Thị Nhung	19/2/1997	Nữ	Xã Quảng Lưu, Quảng Trạch	DH GD Mầm non	UDCNTT	B	Giáo viên MN hàng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
176	Đặng Thị Quỳnh Như	18.04.1997	Nữ	Xã Hương Hóa - Tuyên Hóa	Cư nhân GD MN	B	B	Giáo viên MN hàng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
177	Cao Thị Kim Oanh	4/4/1993	Nữ	Xã Thanh Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hàng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
178	Dương Thị Oanh	04.10.1997	Nữ	Xã Ngư Thủy Nam - Lệ Thủy	CDGD Mầm non	UDCNTTCB	A2	Giáo viên MN hàng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
179	Đinh Thị Kiều Oanh	25/8/1997	Nữ	Xã Yên Hóa, Minh Hóa	CD GD mầm non	B	B	Giáo viên MN hàng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
180	Đinh Thị Kim Oanh	8/10/1996	Nữ	Xã Thượng Hóa, Minh Hóa	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hàng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
181	Đoàn Thị Kiều Oanh	02.01.1991	Nữ	TT Quy Đạt - Minh Hóa	TCSP Mầm non	UDCNTTCB	B	Giáo viên MN hàng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
182	Hồ Thị Kiều Oanh	20.7.1994	Nữ	Xã Đông Hóa - Tuyên Hóa	Cư nhân GDMN	B	B	Giáo viên MN hàng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
183	Nguyễn Thị Kim Oanh	4/3/1995	Nữ	Xã Châu Hóa, Tuyên Hóa	TC GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hàng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
184	Trần Thị Kiều Oanh	08.09.1997	Nữ	Xã Quảng Liên - Q Trạch	Cư nhân GD MN	CNNTT CB	B	Giáo viên MN hàng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
185	Trương Thị Yên Oanh	08.11.1997	Nữ	Xã Thạch Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	CNNTT CB	B	Giáo viên MN hàng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
186	Trần Thị Phong	2/6/1994	Nữ	Xã Thanh Thủy, Lệ Thủy	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hàng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
187	Đinh Thị Nhà Phương	6/1/1995	Nữ	Xã Hòa Trén, Minh Hóa	CN GD Mầm non	UDCNTT	B	Giáo viên MN hàng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	

Th

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Tình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Giải chú
188	Lê Thị Phương	22.04.1996	Nữ	Xã Xuân Thủy - Lệ Thủy	TCSP Mầm non	A	A2	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
189	Mai Thị Phương	02.11.1997	Nữ	Xã Châu Hóa - Tuyên Hóa	Dại học GD MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
190	Nguyễn Thị Phương	22.02.1998	Nữ	Xã Mai Hóa - Tuyên Hóa	CBGD Mầm non	UDCNTTCB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
191	Trần Thị Huyền Phương	09.9.1993	Nữ	TT Đông Lê - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
192	Cao Thị Phương	28.08.1995	Nữ	TT Quy Đạt - Minh Hóa	Trung cấp GDMN	UDCNTT	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
193	Cao Thị Hoa Phương	20.12.1995	Nữ	Xã Thạch Hóa - Tuyên Hóa	DHGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
194	Đinh Thị Hoa Phương	26.02.1991	Nữ	TTQuy Đạt - Minh Hóa	Cư nhân GD MN	CNNT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
195	Nguyễn Thị Phương	05.6.1993	Nữ	TT Đông Lê - Tuyên Hóa	Cư nhân GD MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
196	Nguyễn Thị Mộc Quế	20.8.1994	Nữ	Xã Hương Hóa - Tuyên Hóa	TCGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
197	Hồ Thị Quý	26.06.1992	Nữ	Xã Tiên Hóa - Tuyên Hóa	Cư nhân GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
198	Đinh Thị Quyên	11/1/1994	Nữ	Xã Hóa Thanh, Minh Hóa	CN GD mầm non	UDCNTT	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
199	Hoàng Kim Quyên	03.5.1992	Nữ	Xã Tiên Hóa - Tuyên Hóa	DHSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
200	Nguyễn Thị Kim Quyên	8/5/1996	Nữ	Xã Sơn Hóa, Tuyên Hóa	TC GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
201	Đinh Thị Như Quyên	30/7/1991	Nữ	Xã Lâm Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
202	Phan Thị Như Quỳnh	10.01.1996	Nữ	P Minh Phương - TX Ba Đồn	CBSP kãm non	CNNTTCB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	

TR

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tuyển ưu tiên	Ghi chú
203	Hoàng Thị Kim	Sinh 8/10/1994	Nữ	Xã Thanh Thạch, Tuyên Hóa	TC SP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
204	Nguyễn Thị Hoài	Sương 02.01.1996	Nữ	Xã Hương Trạch - Hương Khê - Hà Tĩnh	Cư nhân GD MN	UDCNTCB	Bậc 3	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
205	Cao Thị Thanh	Tâm 16.01.1993	Nữ	Xã Mai Hóa - Tuyên Hóa	DHGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
206	Nguyễn Thị Thương	Tây 13/1/1996	Nữ	Xã Cảnh Dương, Quảng Trạch	TC SP Mầm non	UDCNTT	A2	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
207	Dương Thị	Tiêm 22/6/1993	Nữ	Xã Hương Hóa, Tuyên Hóa	DHGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
208	Cao Thị	Tin 6/7/1990	Nữ	Xã Tân Hóa, Minh Hóa	TC GD mầm non	3	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
209	Trần Thị	Tinh 11.02.1990	Nữ	Xã Lê Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	A	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
210	Hà Thị Ngọc	Tú 22.10.1993	Nữ	Xã Tiến Hóa - Tuyên Hóa	Cư nhân GD MN	CNTT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Con TB	
211	Phạm Thị Ngọc	Tuyên 22.11.1989	Nữ	Xã Sơn Hóa - Tuyên Hóa	Cư nhân GD MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
212	Cao Thị Minh	Tuyên 13/2/1988	Nữ	Xã Xuân Hóa, Minh Hóa	CN GD Mầm non	A	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
213	Hoàng Thị	Tuyên 28.04.1993	Nữ	TT Đông Lê - Tuyên Hóa	Cư nhân GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
214	Trần Thị Kim	Tuyên 10/6/1986	Nữ	Xã Sơn Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Mầm non	UDCNTT	A1	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
215	Đinh Thị Ánh	Tuyết 12/1/1997	Nữ	Xã Hồng Hóa, Minh Hóa	CD GD mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
216	Cao Thị	Ty 10.06.1984	Nữ	TT Đông Lê - Tuyên Hóa	Trung cấp GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
217	Cao Thị Hoài	Thanh 2/5/1991	Nữ	Xã Minh Hóa, Minh Hóa	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	

18

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Chi chú
218	Trần Thị Thanh	16.2.1995	Nữ	TT Đông Lê - Tuyên Hóa	ĐHSP Mầm non	CNTT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
219	TRẦN Thị Thanh	16.7.1993	Nữ	Xã Phong Hóa - Tuyên Hóa	DHGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
220	Cao Thị Phương Thảo	02.09.1997	Nữ	Xã Trung Hóa - Minh Hóa	Cư nhân GDMN	UDCNTTCB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
221	Đặng Thị Thảo	13/1/1993	Nữ	Xã Thanh Hóa, Tuyên Hóa	TC SP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
222	Đặng Thị Hồng Thảo	27.11.1995	Nữ	Xã Quý Hóa, Minh Hóa	DHSP Mầm non	CNTT cơ bản	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
223	ĐINH THỊ Thảo	08.7.1993	Nữ	Xã Hồng Hóa - Minh Hóa	Cư nhân GD MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
224	ĐINH THỊ THU Thảo	13.05.1995	Nữ	Xã Dân Hóa - Minh Hóa	GDSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
225	Đoàn Thị Thảo	20.12.1994	Nữ	Xã Sơn Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
226	Hồ Thị Phương Thảo	10.9.1997	Nữ	Xã Phong Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	UDCNTTCB	TA bậc 2	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
227	Nguyễn Thị Phương Thảo	22/2/1993	Nữ	Xã Hương Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
228	Trần Thị Thảo	20/8/1998	Nữ	Xã Quảng Hợp, Quảng Trạch	CD GD Mầm non	UDCNTT	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
229	ĐINH THỊ HOÀI Thảo	4/11/1997	Nữ	Xã Trung Hóa, Minh Hóa	CN GD Mầm non	UDCNTT	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
230	ĐINH THỊ HỒNG Thảo	02.08.1996	Nữ	Xã Trung Hóa - Minh Hóa	Cư nhân GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
231	Lê Thị Thoa	10.10.1995	Nữ	Xã Thanh Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
232	ĐINH THỊ HOA Thom	14.08.1996	Nữ	Xã Hồng Hóa - Minh Hóa	CDGD Mầm non	CNTT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
233	Phạm Thị Thom	5/6/1992	Nữ	Xã Phong Hóa, Tuyên Hóa	CD GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
234	Cao Thị Hiền	05.9.1993	Nữ	Xã Sơn Hóa - Tuyên Hóa	DHSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
235	Cao Thị Hoài	25/1/1996	Nữ	Xã Hồng Hóa, Minh Hóa	CN GD Mầm non	UDCNTT	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
236	Đình Thị Hoài	29/11/1986	Nữ	Xã Yên Hóa, Minh Hóa	CN GD Mầm non	UDCNTT	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Con TB	
237	Đình Thị Hoài	6/8/1996	Nữ	Xã Yên Hóa, Minh Hóa	CN GD Mầm non	UDCNTT	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
238	Đình Thị Lệ	12/3/1995	Nữ	Xã Yên Hóa, Minh Hóa	DH GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
239	Nguyễn Thị Hoài	02.4.1995	Nữ	Xã Thanh Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
240	Đình Thị Minh	06.07.1989	Nữ	Xã Yên Hóa - Minh Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
241	Hoàng Thị Thủy	01.8.1994	Nữ	Xã Tiến Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	CN TT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
242	Lương Thị Ngọc	6/2/1994	Nữ	Xã Văn Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
243	Nguyễn Thị Thủy	01.01.1993	Nữ	Xã Đức Hóa - Tuyên Hóa	Cư nhân GD MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
244	Nguyễn Thị Bích	13.08.1996	Nữ	Xã Mai Hóa - Tuyên Hóa	Cư nhân GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
245	Phạm Thị Huyền	16.08.1993	Nữ	Xã Quang Hưng - Quang Trach	Cư nhân GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
246	Phạm Thị Thủy	4/11/1993	Nữ	Xã Đông Hóa, Tuyên Hóa	TC GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
247	Phan Thị Minh Thủy	08.06.1996	Nữ	Xã Quảng Phương, Quảng Trach	Cư nhân GD MN	CN TT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	

Th

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
248	Đình Thị Thuýên	15/5/1985	Nữ	Xã Hòa Phúc, Minh Hóa	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
249	Hoàng Thị Lệ	10.01.1992	Nữ	Xã Lâm Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
250	Hoàng Thị	09.02.1990	Nữ	Xã Thạch Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	UDCNTTCB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
251	Hoàng Thị Hoài	09.7.1997	Nữ	Xã Quý Đạt - Minh Hóa	CDGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
252	Lê Thị	10/5/1992	Nữ	Xã Kim Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Mầm non	UDCNTT	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
253	Nguyễn Thị	02.8.1994	Nữ	Xã Mai Hóa - Tuyên Hóa	CBSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
254	Trần Thị	20.10.1987	Nữ	Xã Quảng Phúc - TX Ba Đồn	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
255	Nguyễn Thị Thanh	14.03.1993	Nữ	Xã Thanh Hóa - Tuyên Hóa	DH GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
256	Đặng Thị Thu	28.02.1997	Nữ	Xã Châu Hóa - Tuyên Hóa	CD GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
257	Đình Nữ Quỳnh	4/11/1996	Nữ	TT Quý Đạt, Minh Hóa	DH GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
258	Đình Thị Hồng	24/11/1995	Nữ	Xã Xuân Hóa, Minh Hóa	DH GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
259	Đình Thị Hồng	12.12.1994	Nữ	Xã Sơn Hóa - Tuyên Hóa	Cư nhân GD MN	CNNT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
260	Đình Thị Huyền	27/8/1994	Nữ	TT Quý Đạt, Minh Hóa	CN GD mầm non	UDCNTT	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
261	Đình Tại Huyền	04.08.1988	Nữ	Xã Yên Hóa - Minh Hóa	Cư nhân GD MN	CNNT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
262	Đoàn Thị Thu	01.6.1995	Nữ	Xã Phong Hóa - Tuyên Hóa	DHGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Chi chú
263	Hoàng Thị Thu	15.09.1995	Nữ	Xã Lâm Hóa - Tuyên Hóa	TCCGD Mầm non	UDCNTTCB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Độc thiếu số	
264	Nguyễn Thị Hà	23.06.1996	Nữ	Xã Hương Trạch - Hương Khê - Hà Tĩnh	Cử nhân GDMN	UDCNTTCB	Bậc 3	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
265	Nguyễn Thị Huyền	05.04.1998	Nữ	TT Quý Đạt - Minh Hóa	TCCSP Mầm non	UDCNTTCB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
266	Trần Thị Huyền	15.04.1997	Nữ	Xã Tiến Hóa - Tuyên Hóa	Cử nhân GDMN	UDCNTTCB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
267	Trương Thị Hoài	08.06.1993	Nữ	Xã Châu Hóa - Tuyên Hóa	Cử nhân GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
268	Cao Thị Hải	10.08.1995	Nữ	Xã Cao Quảng - Tuyên Hóa	Trung cấp GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
269	Đinh Thị Thúy	18.08.1995	Nữ	Xã Thanh Hóa - Tuyên Hóa	Trung cấp GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
270	Đoàn Thị	06.11.1993	Nữ	Xã Thuận Hóa - Tuyên Hóa	DHSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
271	Hoàng Thị Hồng	13/6/1997	Nữ	Xã Sơn Hóa, Tuyên Hóa	CD Giáo dục MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
272	Hồ Thị Hồng	6/4/1998	Nữ	Xã Phong Hóa, Tuyên Hóa	CD GD Mầm non	UDCNTT	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
273	Hồ Thị Hồng	19.12.1991	Nữ	TT Quý Đạt - Minh Hóa	TCCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
274	Phan Thị Hồng	30.04.1997	Nữ	Phường Đức Ninh - TP Đồng Hới	Đại học GD MN	CN TT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
275	Đinh Thị Hằng	16.06.1995	Nữ	Xã Hòa Hợp - Minh Hóa	TCCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
276	Hoàng Thị Kim	22.10.1992	Nữ	Xã Thanh Hóa - Tuyên Hóa	DH GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	

th

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đội tương ưu tiên	Ghi chú
277	Cao Thị Xuân	12/5/1995	Nữ	Xã Đông Hòa, Tuyên Hóa	DH Giáo dục MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
278	Nguyễn Thị Hải Yến	23.7.1996	Nữ	Xã Cao Quảng - Tuyên Hóa	DHGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	

Tuyên Hóa, ngày 19 tháng 8 năm 2019

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Lê Nam Giang